

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/Interbos/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần Thực Phẩm & Đồ Uống Quốc tế.

Địa chỉ: Cụm công nghiệp sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Điện Thoại: 02321 3727 552

Fax: 02321 3727 558

Email:

Mã số doanh nghiệp: 0900276586 – đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 18/03/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

Số giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP: 001437/2016/ATTP - CNĐK, cấp ngày 28/11/2016 bởi Cục An toàn thực phẩm - Bộ y tế.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Thức uống dinh dưỡng Lactobacillus Götz hương cam.
2. Thành phần: Nước, đường, sữa bột, si rô fructose, chất béo thực vật, chất điều chỉnh độ acid (270), chất ổn định (440), hương tổng hợp dùng cho thực phẩm, chất chống oxi hóa (385), chất chống tạo bọt (900a), chất tạo ngọt tổng hợp (955), men Streptococcus thermophilus và Lactobacillus bulgaricus.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 04 tháng.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: Thẻ tích thực: 110 ml.
 - Chất liệu bao bì: Nhựa HDPE đảm bảo đạt yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Đính kèm bản Tự công bố này.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2010.
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ban hành ngày 02/02/2018, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.



- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ban hành ngày 19/12/2007, Quyết định về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 6-2: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 5-5: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men.
- Và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan...

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 17 tháng 01 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thành Chính



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu
Mã số kết quả

743-2019-00001318
AR-19-VD-003262-01-VI / EUVNHC-00059017



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ

Cụm Công Nghiệp Sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang

Tỉnh Hưng Yên
Việt Nam

| | |
|----------------------------------|---|
| Tên mẫu: | Thực uống dinh dưỡng Lactobacillus Götz hương cam |
| Tình trạng mẫu: | Mẫu đựng trong chai thủy tinh |
| Ngày nhận mẫu : | 08/01/2019 |
| Thời gian thử nghiệm: | 08/01/2019 - 14/01/2019 |
| Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: | 14/01/2019 |
| Mã số PO của khách hàng : | SWL2190104019 |

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|-----|--|-------------|-------------------------------------|-------------------------|
| 1 | VD0G4 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí | cfu/ml | TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013) | Không phát hiện |
| 2 | VD333 VD (a) Clostridium perfringens | cfu/ml | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004) | Không phát hiện (LOD=1) |
| 3 | VD344 VD (a) Coliforms | cfu/ml | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007) | Không phát hiện (LOD=1) |
| 4 | VD374 VD Staphylococcus aureus | cfu/ml | AOAC 2003.08 | Không phát hiện (LOD=1) |
| 5 | VD0GA VD (a) Pseudomonas aeruginosa | cfu/ml | EN ISO 16266:2006 | Không phát hiện (LOD=1) |
| 6 | VD0G8 VD (a) Faecal Streptococci (enterococci) | cfu/ml | TCVN 6189-2: 2009 (ISO 7899-2:2000) | Không phát hiện (LOD=1) |
| 7 | VD0G7 VD (a)(d) Escherichia coli | cfu/ml | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) | Không phát hiện (LOD=1) |
| 8 | VD385 VD (a) Tổng số nấm men, nấm mốc | cfu/ml | TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008) | Không phát hiện (LOD=1) |
| 9 | VD129 VD Carbohydrates | g/100 ml | AOAC 986.25 mod. | 9,33 |
| 10 | VD157 VD Xơ dinh dưỡng | g/100 ml | AOAC 991.43 | 0,33 |
| 11 | VD164 VD (a)(f) Béo | g/100 ml | TCVN 7084:2010 (ISO 1736:2008) | 0,53 |
| 12 | VD262 VD (a)(f) Protein | g/100 ml | TCVN 8099-1:2015 (ISO 8968-1:2014) | 0,84 |
| 13 | VD304 VD (a)(f) Đường tổng | g/100 ml | TCVN 4594:1988 (ST SEV 3450:1981) | 8,68 |
| 14 | VD543 VD Năng lượng | kcal/100 ml | FAO 2013 77 | 45 |





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|-----|-------------------------------------|-----------|--|--------------------------------|
| 15 | VD652 VD Acid béo bão hòa | mg/100 ml | EN ISO 15304 | 240 |
| 16 | VD652 VD Acid béo dạng trans | g/100 ml | EN ISO 15304 | Không phát hiện (LOD=5) |
| 17 | VD563 VD (a) Vitamin D ₃ | µg/100 ml | Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-143) (GC-MS) | Không phát hiện (LOD=0.2) |
| 18 | VD03C VD (a) Sucrose | g/100 ml | Anal. Chem. Acta (2013) 787 87-92 | 6,44 |
| 19 | VD03E VD (a) Fructose | g/100 ml | Anal. Chem. Acta (2013) 787 87-92 | 0,76 |
| 20 | VD210 VD (a)(f) Độ ẩm | g/100 ml | Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-048) | 93,1 |
| 21 | VD242 VD (a) pH | | TCVN 7806:2007 (ISO 1842:1991) | 3,75 |
| 22 | VD297 VD (a)(f) Tro tổng | g/100 ml | Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-049) (Ref. FAO Food 14/7-1986) | 0,15 |
| 23 | VD864 VD (a) Cholesterol | mg/100 ml | AOAC 994.10 mod | 2,00 |
| 24 | VD126 VD (a)(f) Canxi (Ca) | mg/100 ml | TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007) | 33,6 |
| 25 | VD255 VD (a) Kali (K) | mg/100 ml | AOAC 969.23 | 39,6 |
| 26 | VD277 VD (f) Natri (Na) | mg/100 ml | TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007) | 24,1 |
| 27 | VD890 VD (a) Sắt (Fe) | mg/100 ml | Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-243) (Ref. AOAC 2015.01) | 0,31 |
| 28 | VD861 VD (a) Chì (Pb) | mg/kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.02) |
| 29 | VD640 VD (a) Aflatoxin M1 | µg/kg | ISO 14501:2007 mod | Không phát hiện (LOD=0.01) |
| 30 | VD572 VD Aldrin | mg/kg | AOAC 2007.01 mod | Không phát hiện (LOD=0.002) |
| 31 | VD572 VD Cyfluthrin | mg/kg | AOAC 2007.01 mod | Không phát hiện (LOD=0.01) |
| 32 | VD572 VD DDT | mg/kg | AOAC 2007.01 mod | Không phát hiện (LOD=0.005) |
| 33 | VD572 VD Dieldrin | mg/kg | AOAC 2007.01 mod | Không phát hiện (LOD=0.002) |
| 34 | VD572 VD Endosulfan (Tổng) | mg/kg | AOAC 2007.01 mod | Không phát hiện (LOD=0.003) |
| 35 | VD020 VD Melamin | mg/kg | Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-0124) (GC-MS) | Không phát hiện (LOD=0.05) |
| 36 | VD559 VD Benzylpeniciline | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=3) |
| 37 | VD559 VD Chlortetracycline | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=100) |



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|-----|-----------------------------------|--------|--|---------------------------|
| 38 | VD559 VD Dihydro-streptomycin | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=70) |
| 39 | VD559 VD Gentamicin | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=20) |
| 40 | VD559 VD Oxytetracycline | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=100) |
| 41 | VD559 VD Procain Benzylpeniciline | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=3) |
| 42 | VD559 VD Spiramycin | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=200) |
| 43 | VD559 VD Streptomycin | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=70) |
| 44 | VD559 VD Tetracycline | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=100) |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên

Nguyễn Phương Phi
Giám Đốc Sản Xuất



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Phương Phi 18/01/2019

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng.

Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2005 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chỉ Định Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo VFA-Chỉ Định An Toàn Thực Phẩm

CÔNG TY CP THỰC PHẨM VÀ
ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ
Interbos ., JSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2020/CV- Interbos

Hung Yên, ngày 24 tháng 04 năm 2020

(K) Sửa đổi Quy cách đóng gói



Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN

Công ty Cổ phần thực phẩm và đồ uống Quốc tế có trụ sở chính tại Cụm CN Sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, giấy phép kinh doanh số 0900276586 do Sở KHĐT tỉnh Hưng Yên cấp thay đổi lần 6 ngày 11/04/2019, với ngành nghề kinh doanh chính là:

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
- Bao bì thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, chúng tôi có nộp các bản Tự công bố sản phẩm sau:

- Thức uống dinh dưỡng Lactobacillus Götz có đường.
- Thức uống dinh dưỡng Lactobacillus Götz hương chanh dây.
- Thức uống dinh dưỡng Lactobacillus Götz hương cam.
- Thức uống dinh dưỡng Lactobacillus Götz hương dâu.

Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy có điểm chưa rõ ràng về “Quy cách đóng gói”. Do đó, bằng công văn này, chúng tôi xin được sửa đổi 01 điểm tại các bản Tự công bố sản phẩm này, cụ thể như sau:

Sửa “**Thể tích thực: 110 ml**” sang “**Thể tích thực: 110 ml – Đối với đóng gói một hộp; Thể tích thực: 440 ml (4 hộp x 110 ml) – Đối với đóng gói một vỉ**”.

Chúng tôi xin cam kết chất lượng sản phẩm không có sự thay đổi. Kính đề nghị Quý Chi Cục tạo điều kiện để chúng tôi được sửa đổi lại thông tin tại các bản Tự công bố sản phẩm với nội dung như trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

- Nơi nhận:
- Như kính gửi
- Lưu phòng HC/NS

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Thu Mai

CÔNG TY CP THỰC PHẨM VÀ
ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ
Interbos ., JSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2020/CV- Interbos
(V/v: Nhân sản phẩm

Hung Yên, ngày 28 tháng 04 năm 2020

Thực uống dinh dưỡng Lactobacillus Gotz)

| | |
|-----------------------------------|---|
| CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM | Số:..... ngày 14/5/2020 |
| CÔNG | CHUYÊN |
| VĂN | Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HUNG YÊN |
| ĐẾN | Phòng Công ty Cổ phần thực phẩm và đồ uống Quốc tế (Interbos) có trụ sở chính tại Cụm CN Sạch, xã Tân |
| | Điền, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, giấy phép kinh doanh số 0900276586 do Sở KHĐT tỉnh Hưng |

Yên cấp thay đổi lần 6 ngày 11/04/2019, với ngành nghề kinh doanh chính là:

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
- Bao bì thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, chúng tôi có nộp các bản Tự công bố sản phẩm sau:

- Thực uống dinh dưỡng Lactobacillus Götz có đường.
- Thực uống dinh dưỡng Lactobacillus Götz hương chanh dây.
- Thực uống dinh dưỡng Lactobacillus Götz hương cam.
- Thực uống dinh dưỡng Lactobacillus Götz hương dâu.

Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy có điểm chưa rõ ràng về “Thành phần” trên nhãn sản phẩm.

Do đó, bằng công văn này, chúng tôi xin được sửa đổi 01 điểm tại các bản Tự công bố cũng như trên nhãn sản phẩm, cụ thể như sau:

Sửa cụm từ “**hương tổng hợp dùng cho thực phẩm**” sang tương ứng “**hương sữa chua tổng hợp dùng cho thực phẩm**”, “**hương chanh dây tổng hợp dùng cho thực phẩm**”, “**hương cam tổng hợp dùng cho thực phẩm**”, “**hương dâu tổng hợp dùng cho thực phẩm**”.

Và xin phép đính kèm “**Tiêu chuẩn cơ sở - TCCS**” tương ứng với từng sản phẩm.

Tuy nhiên, hiện tại lượng nhãn của chúng tôi đã in tồn kho rất lớn (dự kiến dùng đến tháng 08/2020).

Vì vậy, chúng tôi kính mong Chi cục xem xét và tạo điều kiện để chúng tôi sử dụng nhãn hiện tại cho đến khi hết nhãn tồn trong kho.

Chúng tôi xin cam kết chất lượng sản phẩm không có sự thay đổi.

Xin trân trọng cảm ơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu phòng HC-NS
- Lưu P. R&D



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Thu Mai